

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ GÒ CÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 09-01-2025  
V/v “Không công nhận quan hệ vợ  
chồng, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thu Hảo;
- Ông Lê Thanh Nghị;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tham gia phiên tòa:**  
bà Nguyễn Trường Bảo Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2024/QDST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 1999;

Địa chỉ: ấp H, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: ấp M, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Anh Dương Cửu T1, sinh năm: 1998;

Địa chỉ: khu phố C, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: ấp C, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* **Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:**

Chị và anh T1 qua quen biết và tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới từ năm 2017 với sự đồng ý của hai bên gia đình. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn do anh T1 làm mất chứng minh nhân dân, anh T1 không chịu đi làm căn cước công dân nên đến nay vẫn không đăng ký kết hôn được.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T1 không lo làm ăn, sa vào tệ nạn, xe cộ trong nhà bán hết, chị khuyên rất nhiều lần nhưng anh T1 không sửa đổi nên từ tháng 11/2022 (lúc có thai cháu T2) chị và anh T1 đã ly thân cho đến nay. Nay chị yêu cầu toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T1.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Hải M, sinh ngày 11/8/2017 và Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 04/02/2023. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

*\* Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì mặc dù Toà án đã tổng đạt hợp lệ.*

*\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T.

- Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi thường trú tại xã B, thành phố G nên căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và yêu cầu nuôi con nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời khai đương sự thể hiện chị T và anh T1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng

từ năm 2017 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T1 không lo làm ăn, sa vào tệ nạn và anh chị đã ly thân từ tháng 11/2022 đến nay.

Xét thấy, mặc dù chị T anh T1 có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng; quan hệ hôn nhân của anh, chị không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét đến việc mâu thuẫn giữa anh chị có trầm trọng hay không để cho ly hôn mà Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết không công nhận chị T và anh T1 là vợ chồng.

[4.2] Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Hải M, sinh ngày 11/8/2017 và Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 04/02/2023. Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại cháu Hải M và cháu Hoàng T2 đang sống cùng chị T và cháu Hải M cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ khi cha mẹ ly hôn, cháu Hoàng T2 còn nhỏ (hơn 01 tuổi), trong quá trình giải quyết vụ án anh T1 cũng không có thể hiện ý kiến hay yêu cầu gì về con chung; Qua xác nhận của địa phương thì chị T có thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con, nhằm để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định cho các con nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao 02 cháu Nguyễn Thị Hải M và Nguyễn Hoàng T2 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp cần thiết thì các đương sự được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Cẩm T;

Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Dương Cửu T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao 02 người con chung tên Nguyễn Thị Hải M, sinh ngày 11/8/2017 và Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 04/02/2023 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dương Cửu T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp cần thiết vì lợi ích của con thì anh T1, chị T được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0000986 ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Dương Cửu T1 không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND.TPGC;
- C.C THADS.TPGC;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Thảo**